TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 361/2022/HNGĐ-ST
Ngày : 05 – 9 - 2022
"V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thu Thủy.

2. Ông Nguyễn Văn Giữ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 172/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 222/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 211/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 16 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông NTP, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp 1, xã HT, huyện KH, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà HTH, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp BC, xã BL, huyện CP, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông NTP trình bày:

Ông và bà HTH do quen biết, tự tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2015, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện KH, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số: 04, ngày 27/01/2015. Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cải vã nhau.

Do đó, ông và ông H ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà HTH.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Văn Tài, sinh ngày 09/8/2013, hiện con chung tên Tài đang sống chung với ông. Sau khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Văn Tài và ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Trong thời hạn chẩn bị xét xử, bị đơn bà HTH đã được Toà án tống đạt các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, nhưng bà H không gửi văn bản, bản tự khai và không tham gia tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến của bà H.

Tại phiên toà: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Nguyên đơn bà Kiều có đơn xin vắng mặt là đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn ông P đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà H không thực hiện theo giấy triệu tập của Toà án là vi phạm Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Ông P và bà H chung sống có đăng ký kết hôn là thực hiện đúng quy định Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, quá trình chung sống ông P trình bày có nhiều mâu thuẫn. Trong thời gian Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn bà H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án trình bày ý kiến, không gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn. Xét thấy, đời sống vợ chồng của ông P và bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông P được ly hôn với bà H. Về con chung: tiếp tục giao 01 con chung tên Nguyễn Văn Tài, sinh ngày 09/8/2013 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ông P không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Do bà H cư trú tại xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn bà H đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn ông P:

Ông P và bà H chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã HT, huyện KH, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04, ngày 27/01/2015 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, ông P cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân vợ chồng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cải vã, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, thời gian ly thân đã lâu, vợ chồng không thể chung sống đoàn tụ với nhau được nữa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh, tống đạt các văn bản cho bà H nhưng bà H không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa. Điều này cho thấy bà H không còn quan tâm cuộc sống chung của vợ chồng, tình cảm vợ chồng của ông P và bà H không thể tiếp tục kéo dài, đời sống chung không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của ông NTP là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông NTP.

[2.2] Về con chung: Ông P trình bày ông và bà H có 01 con chung tên Nguyễn Văn Tài, sinh ngày 09/8/2013, hiện con chung tên Tài đang sống chung với ông P. Sau khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Văn Tài và ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung. Xét từ khi ly thân đến nay, con chung tên Nguyễn Văn Tài do ông P chăm sóc, nuôi dưỡng và ý kiến của con chung tên Tài có nguyện vọng muốn sống với ông P, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu, tạo điều kiện cho con chung tên Tài được ổn định về tâm lý, chỗ ở, sinh hoạt và học tập. Hội đồng xét xử chấp nhận giao 01 con chung tên Nguyễn Văn Tài cho ông P được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông NTP không yêu cầu bà HTH cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông NTP, ông NTP được ly hôn với bà HTH.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04 cấp ngày 27/01/2015 của Ủy ban nhân dân xã HT, huyện KH, tỉnh Kiên Giang không còn giá trị pháp lý, khi bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Tiếp tục giao 01 con tên Nguyễn Văn Tài, sinh ngày 09/8/2013, (hiện con chung tên Tài đang sống chung với ông P) cho ông NTP trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

3. Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Ông P và các thành viên trong gia đình của ông P không được cản trở bà H đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

4. Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông P không yêu cầu nên không xem xét.

5. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

6. Về án phí sơ thẩm: Ông NTP phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0003714 ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND. AG;
- VKSND. HCP;
- THA. HCP;
- UBND xã Hòn Tre;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến Anh